

CÔNG TY TNHH MTV
XSKT HẬU GIANG

MST: 1800545163

Số: 299/KHXS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 15 tháng 7 năm 2025

**KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
NĂM 2024**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ)

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1:

+ Trong năm 2024, nhìn chung công tác kinh doanh vé xổ số truyền thống của Công ty đạt hiệu quả (các chỉ tiêu đều đạt và vượt so với Kế hoạch đề ra).

- Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

+ Để đạt được những kết quả như trên là do công tác điều hành, chỉ đạo của Đảng Ủy, Ban lãnh đạo Công ty luôn kịp thời, và có sự đồng thuận cao.

+ Ngoài ra còn có sự đóng góp của 113 Đại lý cấp 1, khách hàng, CBNV Công ty trong công tác tiêu thụ vé số để đạt được những kết quả như trên.

+ Tuy nhiên do Công ty XSKT Hậu Giang phát hành và tiêu thụ vé số vào ngày thứ bảy nên phải cạnh tranh với ba đài khác nên tỷ lệ tiêu thụ bình quân không cao so với những ngày chỉ có ba đài phát hành. Đây cũng là một thách thức và khó khăn mà Công ty luôn phải phấn đấu vượt qua để hoàn thành Kế hoạch được giao.

**BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH
DOANH CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2024**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất				
a)	Sản phẩm 1				
b)	Sản phẩm 2				
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	5.590	6.012	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	560	602	

4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	448	470	
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	1.650	1.801	
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng			
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)				
8	Tổng số lao động	Người	113	112	
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	59,37	62,5	
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	4,09	4,2	
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	55,28	58,3	

Lưu ý: (*) Công ty mẹ là doanh nghiệp nhà nước cung cấp thông tin các chỉ tiêu hợp nhất của mô hình công ty mẹ - công ty con.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
Dự án quan trọng quốc gia							
Dự án nhóm A							
Dự án nhóm B							

2. Các khoản đầu tư tài chính.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư	Tổng tài sản	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước	Lợi nhuận sau	Lợi nhuận nộp về	Thuế và các khoản đã	Tổng nợ phải
----	------------------	-----------------------	-----------------	--------------	---------------------	-----------------	---------------	------------------	----------------------	--------------

		đồng)	của công ty mẹ (tỷ đồng)	(tỷ đồng)		thuế (tỷ đồng)	thuế (tỷ đồng)	công ty mẹ	nộp Nhà nước (tỷ đồng)	trả (tỷ đồng)
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ									
1.1	Công ty A									
1.2	Công ty B									
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 50% vốn điều lệ									
2.1	Công ty C									
2.2	Công ty D									

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Thắng



